

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2019/KDTM-ST

Ngày 30-7-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Việt Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên .

Ngày 30/7/2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST- KDTM ngày 07/6/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: Đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Nguyên H – Chức vụ: Giám đốc Agribank – Chi nhánh Ea Tam – Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cầu đường G (sau đây gọi tắt là G)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu V - vắng mặt

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Phạm Thu H1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Phạm Thu H3, chị Nguyễn Phạm Thu H4 (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2019 và 26/02/2019) - có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà.

2. Ông Nguyễn Hữu V – vắng mặt.

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Nguyên H trình bày:

Ngày 26/8/2014, G cùng với Ngân hàng thỏa thuận kí kết hợp đồng tín dụng số 222LAV201400751, trong đó Ngân hàng cấp tín dụng cho G số tiền 4.500.000.000 đồng, mục đích để xây dựng các công trình giao thông.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, G đã nhận nợ tổng số tiền 4.500.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2015 G trả số tiền 1.950.000.000 đồng.

Ngày 21/8/2015 G làm văn bản đề nghị gia hạn hạn mức tín dụng đối với hợp đồng tín dụng số 5222LAV201400751, số tiền 4.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng - Ngân hàng chấp nhận.

Ngày 21/8/2015 G nhận nợ số tiền 1.950.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2015 G trả số tiền 2.550.000.000 đồng,

Ngày 25/8/2015 G nhận nợ số tiền 1.300.000.000 đồng.

Dư nợ của hợp đồng này là 3.250.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2015 G và Ngân hàng thỏa thuận kí kết hợp đồng hạn mức tín dụng tuần hoàn số 5222LAV201500725 và chuyển hết toàn bộ dư nợ 3.250.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 5222LAV201400751 sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng 5222LAV201500725.

Ngày 26/8/2015 G nhận nợ số tiền 1.250.000.000 đồng.

Ngày 06/11/2015 G và Ngân hàng thỏa thuận kí kết hợp đồng hạn mức tín dụng tuần hoàn số 5222LAV201600258 và chuyển hết dư nợ 4.500.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 5222LAV201500725 sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng này, với hạn mức tín dụng 7.000.000.000 đồng, lãi suất 9,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Thi công xây dựng các công trình giao thông và kinh doanh vật liệu xây dựng; phương thức trả gốc và lãi: 01 lần vào ngày 06/11/2016.

Ngày 13/01/2016 G trả số tiền 1.950.000.000 đồng

Ngày 18/01/2016 G trả số tiền 1.300.000.000 đồng.

Ngày 06/5/2016 G nhận nợ số tiền 1.500.000.000 đồng.

Ngày 15/7/2016 G nhận nợ số tiền 1.300.000.000 đồng.

Về lãi suất, G mới trả được cho Ngân hàng số tiền 46.180.556 đồng. Ngoài các khoản mà G đã trả như Ngân hàng trình bày trên, thì G chưa trả cho Ngân hàng được khoản nợ nào khác. Tính đến 03/4/2018 G còn nợ Ngân hàng số tiền 5.124.604.444 đồng (trong đó: 4.050.000.000 đồng tiền gốc, 1.074.604.444 tiền lãi).

Để đảm bảo cho khoản vay của các hợp đồng tín dụng trên ông Nguyễn Văn H2 – bà Phạm Thị U có ký hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 220813A/BĐTV ngày 30/8/2013, phụ lục ngày 25/8/2014 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà tổng diện tích sử dụng 59,93m² theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5110123 được UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2014 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 và bà Phạm Thị U, địa chỉ đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà.

Ngoài ra, G có ký 06 hợp đồng thế chấp xe máy chuyên dùng và xe ô tô G cho Ngân hàng cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 250814/BĐTV ngày 25/8/2014 để thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01641/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/12/2010, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01542/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/6/2010, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01556/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2010, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01557/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 250814A/BĐTV ngày 25/8/2014 thế chấp giấy đăng ký xe ô tô số: 006574 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/11/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 380/HĐTC ngày 05/5/2016 để thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 009380 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/7/2013.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 982/BBXD ngày 05/5/2016 để thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 01982 do sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/3/2014.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 125/HĐTC ngày 05/5/2016 để thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 02125/XMCD do Sở giao thông vận tải Đắk Lắk cấp ngày 03/02/2015.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 456/BBXD ngày 05/5/2016 để thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 01456/XMCD do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/02/2010.

Việc G khai tài sản thế chấp cho khoản vay này có Quyền sử dụng đất và nhà, địa chỉ đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là không đúng, mà nhà và đất này vợ ông V thế chấp vay trong một hợp đồng tín dụng khác do bà T và ông V đứng vay.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc G trả cho Ngân hàng số tiền 5.124.604.444 đồng, trong đó: 4.050.000.000 đồng tiền gốc, 1.074.604.444 tiền lãi tính đến 03/4/2018 và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt điểm nợ. Trường hợp G không trả khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến thay G trả cho ngân hàng 1.200.000.000 đồng và ngân hàng có trách nhiệm trả cho ông H2 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở mà ông H2 – bà U đã thế chấp bảo lãnh cho G vay tiền thì ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu người bảo lãnh trả tiền thì ngân hàng chấp nhận trừ vào số tiền nợ gốc cho G.

*** Tại bản tự khai ngày 06/7/2018 Đại diện theo pháp luật của G đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Hữu V trình bày:**

Anh V xác định ngày 06/11/2015 Ngân hàng cùng với G thỏa thuận ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5222LAV201600258, số tiền 7.000.000.000 đồng, lãi suất 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn thời hạn vay 12 tháng, phương thức trả cả gốc và lãi 01 lần vào ngày 06/11/2016, mục đích thi công các công trình xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng. Hiện nay G còn nợ 4.050.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh.

Để đảm bảo cho khoản nợ trên G đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và nhà 107,3m² là căn nhà xây 03 tầng tại địa chỉ đường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và cha, mẹ ông V là Nguyễn Văn H2 - Phạm Thị U (đã chết năm 2017) đã thế chấp căn nhà 59,58m², quyền sử dụng đất 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông H2 – bà U ngày 12/11/2004, địa chỉ đường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ngoài các tài sản thế chấp trên thì G còn thế chấp cho Ngân hàng các xe chuyên dùng và xe ô tô như Ngân hàng trình bày trên là đúng. Nay Ngân hàng khởi kiện, G xin có trách nhiệm trả hết nợ cho Ngân hàng làm nhiều lần đến hết năm 2018.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Phạm Thu H1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Phạm Thu H3, chị Nguyễn Phạm Thu H4 trình bày:**

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Phạm Thị U là cha, mẹ ruột anh Nguyễn Hữu V. Ngày 30/8/2013, ông Nguyễn Văn H2 và bà Phạm Thị U với Ngân hàng và G – người đại diện là anh Nguyễn Hữu V thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba với nội dung: ông H2 – bà U dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có tổng diện tích sử dụng 59,93m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 12/11/2004 để thế chấp bảo lãnh cho G vay số tiền

1.200.000.000 đồng. Ngày 25/3/2014, Ngân hàng và G tiếp tục ký phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba với nội dung ông H2 – bà U tiếp tục thế chấp tài sản số 220813A ký ngày 30/8/2013, tiếp tục làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của G tại hợp đồng số 5222LAV201400751 ngày 26/8/2014 số tiền là 1.200.000.000 đồng. Đến ngày 30/8/2017 bà Phạm Thị U chết.

Ông H2 – bà U có 05 người con: Anh Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Hữu V, chị Nguyễn Phạm Thu H3, chị Nguyễn Phạm Thu H4 và chị Nguyễn Phạm Thu H1. Cha, mẹ của ông H2 – bà U đều đã chết từ lâu. Tài sản thế chấp trên là của ông H2 - bà U, sau khi bà U chết thì ông Nguyễn Văn H2 vẫn là người đang quản lý và sử dụng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đại diện cho ông H2 cũng như những người thừa kế của bà U, chị H1 ý kiến: Ông H2 thay G trả cho Ngân hàng số tiền 1.200.000.000 đồng và Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Văn H2 và ông H2 được toàn quyền sở hữu và sử dụng tài sản này, toàn bộ 05 anh em không có tranh chấp gì. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết để ông H2 có chỗ ở và cũng là nơi thờ cúng bà Út.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử cũng như nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn chấp hành chưa tốt. Thẩm phán vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 4.050.000.000 đồng tiền gốc và tiền tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt điểm nợ. Trường hợp G không trả khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Hữu V là đại diện hợp pháp của G đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhiều lần nhưng đương sự không lên tòa tham gia tố tụng nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu V vắng mặt không lý do là lần thứ hai; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V là phù hợp theo quy tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 26/8/2014 G cùng với Ngân hàng thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 222LAV201400751, trong đó Ngân hàng cấp tín dụng cho G số tiền 4.500.000.000 đồng, mục đích để xây dựng các công trình giao thông.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, G đã nhận nợ tổng số tiền 4.500.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2015 G trả số tiền 1.950.000.000 đồng,

Ngày 21/8/2015 G làm văn bản đề nghị gia hạn hạn mức tín dụng đối với hợp đồng tín dụng số 5222LAV201400751, số tiền 4.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng - Ngân hàng chấp nhận.

Ngày 21/8/2015 G nhận nợ số tiền 1.950.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2015 G trả số tiền 2.550.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2015 G nhận nợ số tiền 1.300.000.000 đồng.

Dư nợ của hợp đồng này là 3.250.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2015 G và Ngân hàng thỏa thuận ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng tuần hoàn số 5222LAV201500725 và chuyển hết toàn bộ dư nợ 3.250.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 5222LAV201400751 sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng 5222LAV201500725.

Ngày 26/8/2015 G nhận nợ số tiền 1.250.000.000 đồng.

Ngày 06/11/2015 G và Ngân hàng thỏa thuận ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng tuần hoàn số 5222LAV201600258 và chuyển hết dư nợ 4.500.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 5222LAV201500725 sang theo dõi tại hợp đồng tín dụng này, với hạn mức tín dụng 7.000.000.000 đồng, lãi suất theo thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Thi công xây dựng các công trình giao thông và kinh doanh vật liệu xây dựng; phương thức trả gốc và lãi: 01 lần vào ngày 06/11/2016.

Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số: 222LAV201400751 ngày 26/8/2014, ông Nguyễn Văn H2 và bà Phạm Thị U (đã chết ngày 30/8/2017) cùng với Ngân hàng và G thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 220813A/BĐTV ngày 30/8/2013, phụ lục ngày 25/8/2014 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà tổng diện tích sử dụng 59,93m², địa chỉ đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2014 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 và bà Phạm Thị U với phạm vi bảo lãnh số tiền vay 1.200.000.000 đồng của G tại Ngân hàng.

Ngoài ra để đảm bảo cho khoản vay của các hợp đồng tín dụng trên G và Ngân hàng thỏa thuận ký kết 06 hợp đồng thế chấp tài sản của G cho Ngân hàng cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 250814/BĐTV ngày 25/8/2014 để thế chấp: Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu DAEWOO SOLAR, số động cơ: D1146TI700199EA, số khung SL290LC-V-0211, xuất xứ: Hàn Quốc, biển số đăng ký: 47XA0805, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01641/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/12/2010. Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu YTOZL30-II, số động cơ: Y0960901, số khung 20340456, xuất xứ: Trung Quốc, biển số đăng ký: 47LA0444, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01542/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/6/2010. Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu LUYANG LT214B, số động cơ: B8604900042, số khung 007282, xuất xứ: Trung Quốc, biển số đăng ký: 47SA 0353, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01556/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2010. Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu LUYANG LT214B, số động cơ: B8604900046, số khung 007281, xuất xứ: Trung Quốc, biển số đăng ký: 47SA 0354, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01557/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 250814A/BĐTV ngày 25/8/2014 thế chấp xe ô tô, nhãn hiệu: TOYOTA VENZA, số máy: 1AR0237640, số khung: 3BB9AU023651, biển số: 47T-9719, đăng ký xe ô tô số: 006574 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/11/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 380/HĐTC ngày 05/5/2016 thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG, số máy: YC 6J18033J, số khung LGAX2BA21D, đăng ký xe số 009380 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/7/2013.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 982/BBXĐ ngày 05/5/2016 để thế chấp Xe lu bánh hỗn hợp nhãn hiệu PANNELL-PLANT, công suất động cơ: 97 PS, số khung SP 2110948, Nước sản xuất: Nhật bản, đăng ký xe số: 01982, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/3/2014.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 125/HĐTC ngày 05/5/2016 để thế chấp Máy rải bê tông nhựa, nhãn hiệu SUMITOMO HA 60C, công suất động cơ: 82HP, số khung HA 60C-0331, Nước sản xuất: Nhật bản, đăng ký xe số: 02125/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/02/2015.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 456/BBXĐ ngày 05/5/2016 để thế chấp Xe lu bánh thép, nhãn hiệu WATANABE, công suất động cơ: 87 PS, số khung: WMOLA 10-0229, Nước sản xuất: Nhật, đăng ký xe số: 01465/XMCD, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/02/2010.

Việc G khai tài sản thế chấp cho khoản vay này có Quyền sử dụng đất và nhà 107,3m² là căn nhà xây 03 tầng, địa chỉ đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là không đúng, mà nhà và đất này vợ chồng ông Nguyễn Hữu V - bà Trần Thị Thanh T thế chấp

vay Ngân hàng trong hợp đồng tín dụng số LAV201600535 ngày 12/10/2016 do bà T và ông V đứng vay ngân hàng.

Thực hiện hợp đồng số: 5222LAV201600258, ngày 06/11/2015.

Ngày 13/01/2016 G trả số tiền 1.950.000.000đồng.

Ngày 18/01/2016 G trả số tiền 1.300.000.000đồng.

Ngày 06/5/2016 G nhận nợ số tiền 1.500.000.000đồng

Ngày 15/7/2016 G nhận nợ số tiền 1.300.000.000đồng.

Về lãi suất, G mới trả được cho Ngân hàng số tiền 46.180.556 đồng. Như vậy là G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết với nhau. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với G xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, nhưng G không đồng ý bàn giao tài sản; Do đó nay Ngân hàng yêu cầu G trả cho Ngân hàng số tiền 5.124.604.444 đồng, trong đó: 4.050.000.000 đồng tiền gốc, 1.074.604.444 đồng tiền lãi tính đến 03/4/2018 và lãi phát sinh từ 04/4/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 5222LAV201600258 ngày 06/11/2015 là có căn cứ phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 220813A/BĐTV ngày 30/8/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 220813A/BĐTV ngày 25/8/2014; Trong ở và quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận số 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2014, diện tích đất: 59,58m², tài sản trên đất là căn nhà tổng diện tích sử dụng 59,93m², địa chỉ đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà bảo lãnh số tiền vay cao nhất của G tại Ngân hàng 1.200.000.000 đồng. Việc thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật nên trường hợp G không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng trong phạm vi bảo lãnh; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bảo lãnh và những người thừa kế của người bảo lãnh (bà Phạm Thị U) có ý kiến ông Nguyễn Văn H2 tự nguyện thay G trả 1.200.000.000 đồng cho Ngân hàng, đồng thời Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho ông H2 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2014 mà ông H2 – bà U đã thế chấp cho Ngân hàng; Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp theo quy định tại Điều 361, Điều 363, Điều 367, Điều 371 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận. Xét việc Ngân hàng có ý kiến nếu người bảo lãnh trả tiền thì Ngân hàng chấp nhận trừ vào số nợ gốc của G tại ngân hàng, nên cần ghi nhận.

[4] Xét sáu hợp đồng thế chấp tài sản số: 250814/BĐTV ngày 25/8/2014, số: 250814A/BĐTV ngày 25/8/2014, 380/HĐTC ngày 05/5/2016, số: 982/BBXĐ ngày 05/5/2016, số: 125/HĐTC ngày 05/5/2016, số: 456/BBXĐ ngày 05/5/2016. Việc thế chấp đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật nên trường hợp G không trả hoặc trả không đầy đủ nợ cho ngân hàng, thì ngân

hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H2 thay G trả cho ngân hàng số tiền vay 1.200.000.000 đồng mà ông H2 – bà U dùng tài sản của mình bảo lãnh cho G vay tại Ngân hàng, ngay sau khi ông Hòa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho ông H2 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2014 cho ông H2a – bà U.

Buộc G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ còn lại: 2.850.000.000 đồng nợ gốc, 1.074.604.444 đồng tiền lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 03/4/2018 là 3.924.604.444 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh tính theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 5222LAV201600258 ngày 06/11/2015 mà hai bên đã ký kết với nhau từ ngày 04/4/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trường hợp G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể:

$$112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times 1.124.604.444 \text{ đồng} = 113.124.000 \text{ đồng}.$$

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí: 56.562.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bồi các lệ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 342, Điều 343, Điều 361, Điều 363, Điều 367, Điều 369, Điều 371 Điều 471, Điều 474; Điều 715, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720, Điều 721 của Bộ Luật dân sự năm 2005.

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ: Điều 56; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Ông Nguyễn Văn H2 trả cho Ngân hàng N số tiền: 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Ngân hàng N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H2 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 và bà Phạm Thị U khi ông Nguyễn Văn H2 thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng N.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5110123 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 – bà Phạm Thị U để thu hồi đủ số tiền 1.200.000.000 đồng cho Ngân hàng.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cầu đường G trả cho Ngân hàng N: 2.850.000.000 đồng nợ gốc, 1.124.604.444 đồng lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 03/4/2018 là 3.974.604.444 đồng (ba tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 5222LAV201600258 ngày 06/11/2015 mà hai bên đã ký kết với nhau từ ngày 31/7/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cầu đường G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu DAEWOO SOLAR, số động cơ: D1146TI700199EA, số khung SL290LC-V-0211, xuất xứ: Hàn Quốc, biển số đăng ký: 47XA0805, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01641/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/12/2010. Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu YTOZL30-II, số động cơ: Y0960901, số khung 20340456, xuất xứ: Trung Quốc, biển số đăng ký: 47LA0444, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01542/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/6/2010. Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu LUYANG LT214B, số động cơ: B8604900042, số khung 007282, xuất xứ: Trung Quốc, biển số đăng ký: 47SA 0353, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01556/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2010. Xe máy chuyên dùng nhãn hiệu LUYANG LT214B, số động cơ: B8604900046, số khung 007281, xuất xứ: Trung Quốc, biển số đăng ký: 47SA 0354, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 01557/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/6/2010. Xe ô tô, nhãn hiệu: TOYOTA VENZA, số máy: 1AR0237640, số khung: 3BB9AU023651, biển số:

47T-9719, đăng ký xe ô tô số : 006574 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/11/2010. Xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG, số máy: YC 6J18033J, số khung LGAX2BA21D, đăng ký xe số 009380 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/7/2013. Xe lu bánh hỗn hợp nhãn hiệu PANNELL-PLANT, công suất động cơ: 97 PS, số khung SP 2110948, Nước sản xuất: Nhật bản, đăng ký xe số: 01982, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/3/2014. Máy rải bê tông nhựa, nhãn hiệu SUMITOMO HA 60C, công suất động cơ: 82HP, số khung HA 60C-0331, Nước sản xuất: Nhật bản, đăng ký xe số: 02125/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/02/2015. Xe lu bánh thép, nhãn hiệu WATANABE, công suất động cơ: 87 PS, số khung: WMOLA 10-0229, Nước sản xuất: Nhật, đăng ký xe số: 01465/XMCD, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/02/2010 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cầu đường G được nhận lại giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và đăng ký xe ô tô trên sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cầu đường G phải chịu: 113.124.000 đồng (một trăm mười ba triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí: 56.562.000 đồng (năm mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) mà ông Trần Xuân S đã nộp thay Ngân hàng N theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0003992 ngày 04/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk .

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư